



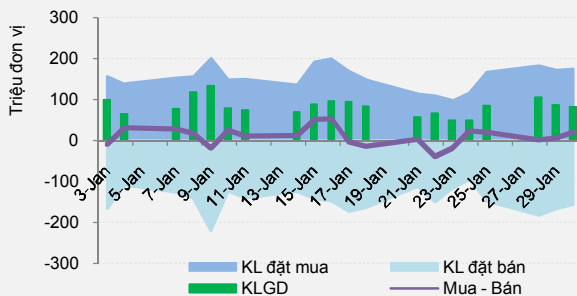
BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch ngày: 30/1/2013

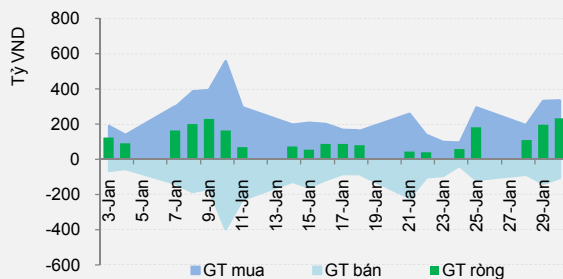
Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	487.6	63.4
% Thay đổi	↑ 0.7%	↑ 0.6%
KLGD (CP)	83,263,865	69,689,133
GTGD (tỷ đồng)	1,273.58	563.54
Tổng cung (CP)	156,071,230	132,516,700
Tổng cầu (CP)	175,193,730	110,313,800

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	3,241,150	508,300
KL mua (CP)	12,361,330	3,587,445
GT mua (tỷ đồng)	336.35	41.51
GT bán (tỷ đồng)	102.78	5.37
GT ròng (tỷ đồng)	233.57	36.14

Tương quan cung cầu HOSE



Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE



Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↑ 2.39%	7.4	1.6	2.7%
Công nghiệp	↑ 0.81%	10.1	0.9	16.8%
Dầu khí	↑ 3.19%	6.6	1.1	1.9%
Dịch vụ Tiêu dùng	↑ 1.13%	6.3	1.1	0.5%
Dược phẩm và Y tế	↑ 0.08%	6.7	2.1	1.3%
Hàng Tiêu dùng	↑ 0.11%	11.6	4.1	10.2%
Ngân hàng	↓ -0.01%	5.6	1.7	15.0%
Nguyên vật liệu	↑ 1.04%	6.6	2.0	15.1%
Tài chính	↑ 1.32%	26.8	2.9	31.9%
Tiện ích Cộng đồng	↑ 0.99%	13.0	2.9	4.6%
VN - Index	↑ 0.74%	13.7	2.7	69.6%
HNX - Index	↑ 0.57%	8.9	1.4	30.4%

Giao dịch tự doanh của các CTCK trên HOSE

	Mua	%	Bán	%
KLGD (CP)	836,260	1.0%	2,275,480	2.8%
GTGD (triệu VND)	19,050	1.6%	40,498	3.3%

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Nhận định: Sau khi tiếp cận về khu vực hỗ trợ mạnh thì thị trường đã có năm phiên liên tiếp tăng điểm, đặc biệt là mức tăng mạnh trên chỉ số VN-Index. Với phiên tăng điểm mạnh ngày hôm qua thì chỉ số VN-Index đã break qua đỉnh cũ 470 điểm cũng như break qua trendline giảm điểm dài hạn hình thành Break away Gaps khá rộng là động lực tăng điểm cho chỉ số VN-Index. Về trung hạn thì thị trường vẫn sẽ tiếp tục tăng điểm tuy nhiên với việc cả hai chỉ số đều tiếp cận với khu vực kháng cự mạnh là 490 điểm với VN-Index và 63.7 điểm với HNX-Index, chỉ báo RSI phân kỳ, mô hình nến Spinning Stop của VN-Index và Advance Block của HNX-Index. Với những tín hiệu này thì thị trường có thể điều chỉnh khi hai chỉ số tiếp cận mức kháng cự nhưng sau đó sẽ tiếp tục tăng điểm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc giải ngân trong phiên điều chỉnh hoặc lựa chọn chiến lược an toàn hơn bằng cách mua vào phiên tăng với khối lượng tích cực sau phiên điều chỉnh.

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 487.6 điểm, tăng 3.59 điểm tương ứng với mức 0.74% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 81.8 triệu đơn vị, giảm 2.2% so với phiên trước.

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 63.35 điểm, tăng 0.36 điểm tương ứng với mức 0.57% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch khớp lệnh đạt 73.3 triệu đơn vị, giảm 14.7% so với phiên trước.

- Ngày 29/1, Chính phủ đã họp phiên thường kỳ tháng 1, đánh giá thực trạng nền kinh tế và chỉ đạo các giải pháp nhằm hoàn thành mục tiêu tăng trưởng kinh tế xã hội năm 2013. Theo đó, Chính phủ chỉ thị các Bộ ngành cụ thể hóa nội dung của Nghị quyết 01 – 02 trong Quý I, nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Về chính sách tiền tệ, Chính phủ yêu cầu NHNN kiểm soát lãi suất, tăng dự nợ tín dụng theo lộ trình phù hợp với mục tiêu cả năm, hướng vào những lĩnh vực ưu tiên. Về chính sách tiền tệ, Bộ Tài chính tập trung giải ngân hết vốn 2012, triển khai vốn 2013, xem xét ứng vốn 2014 cho các công trình, dự án giao thông trọng điểm. Như vậy các giải pháp về thúc đẩy tăng trưởng được chú trọng thực hiện, trong bối cảnh sức mua toàn nền kinh tế chậm cải thiện.

- Dự nợ tín dụng đối với nền kinh tế tháng 1/2013 giảm 1.06% so với đầu năm. Mức giảm này mạnh hơn mức giảm 0.76% trong tháng 1/2012. Xét về chu kỳ, tăng trưởng tín dụng thời điểm cuối năm thường thấp, khi đây là thời gian cao điểm về nhu cầu tiền mặt, thực hiện thanh toán chi tiêu dịp Tết. Mặt khác, dòng tín dụng đã có mức tăng trưởng khá nóng trong tháng 12/2012, không loại trừ khả năng một số Ngân hàng có động thái làm tăng hạn mức tín dụng trong năm 2013. Do vậy, thông tin tăng trưởng tín dụng giảm 1.06% không phải thông tin quá tiêu cực trong bối cảnh hiện nay. Theo yếu tố chu kỳ, dòng tín dụng sẽ cải thiện hơn từ cuối Quý 1.

- Dòng vốn ngoại đổ vào TTCK Việt Nam tiếp tục tăng mạnh. Sau diễn biến tăng ấn tượng tổng giá trị tài sản ròng năm 2012 (tính đến 14/12, quỹ DB X-Trackers FTSE Vietnam ETF tăng từ 66 triệu USD lên 224 triệu USD; Quỹ Market Vectors Vietnam ETF tăng từ 22 triệu USD lên 277 triệu USD; quỹ DWS Vietnam Fund tăng từ 192 triệu USD lên 222 triệu USD), tính đến ngày 30/1/2013, tổng giá trị tài sản ròng của Market Vectors Vietnam ETF đã đạt 380 triệu USD, DB X-Trackers FTSE Vietnam ETF đạt 353.98 triệu USD. Tốc độ tăng mạnh của NAV là nguyên nhân giúp thu hút dòng tiền đầu tư mới vào các quỹ ETF. Thực tế khối ngoại cũng vừa có tháng mua ròng ấn tượng trên TTCK Việt Nam. Dự kiến dòng vốn ngoại sẽ tiếp tục là yếu tố hỗ trợ thị trường, khi khu vực Đông Nam Á vẫn được đánh giá là điểm đến đầu tư hấp dẫn.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-INDEX



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng



Minor Trend	Short term trend	Intermediate Trend
Tăng	Tăng	Tăng

Ghi chú:

Minor Trend là xu hướng từ 5 ngày đến 10 ngày
 short term trend là xu hướng từ 10 ngày đến 3 tuần
 Intermediate trend là xu hướng từ 3 tuần đến 6 tháng

- VN-Index tăng điểm nhẹ lên mức 487.6 điểm, tăng 3.59 điểm tương ứng với mức 0.74% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và vẫn ở mức cao so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên gần đây.

- Chỉ số VN-Index tiếp cận mức hỗ trợ MA20 và hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Sau khi hình thành mô hình Morning Star thì chỉ số VN-Index đã tăng điểm mạnh break qua mức kháng cự 470 điểm cũng như mức kháng cự của trendline dài hạn hình thành Gap có độ rộng lớn.

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số VN-Index.

- Mức kháng cự cho chỉ số VN-Index là khu vực 492 điểm.

Nhận định: Chỉ số VN-Index tăng điểm break qua đỉnh cũ 470 điểm hình thành Break away Gaps khá rộng là động lực tăng điểm cho chỉ số VN-Index. Về trung hạn thì chỉ số VN-Index vẫn sẽ tiếp tục tăng điểm tuy nhiên chỉ số VN-Index sẽ gặp thử thách ở mức kháng cự 490 điểm, khu vực này đồng thời cũng là mức kháng cự của đường supply line trung hạn, chỉ báo RSI cũng đang cho tín hiệu phân kỳ và xuất hiện mô hình nến Spinning Stop trên đồ thị nến thì chỉ số VN-Index có thể sẽ điều chỉnh tại khu vực 492 điểm nhưng nhiều khả năng sau đó sẽ tiếp tục tăng điểm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc giải ngân trong phiên điều chỉnh hoặc lựa chọn chiến lược an toàn hơn bằng cách mua vào phiên tăng với khối lượng tích cực sau phiên điều chỉnh.

HNX-INDEX

- HNX-Index tăng điểm nhẹ lên mức 63.35 điểm, tăng 0.36 điểm tương ứng với mức 0.57% so với phiên trước. Khối lượng giao dịch giảm nhẹ so với phiên trước và ở mức thấp so với bình quân khối lượng giao dịch 10 phiên giao dịch gần đây.

- Chỉ số HNX-Index tiếp cận về khu vực hỗ trợ mạnh của MA20, trendline trung hạn cũng như mức hỗ trợ của Fibonacci 38.2 hình thành mô hình đảo chiều Morning Star. Chỉ báo RSI 9 ngày quay đầu tăng điểm khi tiếp cận đường baseline

- Chỉ báo RSI phân kỳ với chỉ số HNX-Index.

- Mức kháng cự cho chỉ số HNX-Index là khu vực 70 điểm.

Nhận định: Sau khi tiếp cận vào khu vực hỗ trợ mạnh thì chỉ số HNX-Index đã có năm phiên tăng điểm liên tiếp. Về trung hạn thì chỉ số HNX-Index vẫn tăng điểm tuy nhiên chỉ số HNX-Index cũng đang tiếp cận khá gần với mức kháng cự mạnh là mức kháng cự của MA200 và mức 63.7, chỉ báo RSI cũng đang cho tín hiệu phân kỳ và mô hình Advance Block trên đồ thị nến vì vậy có thể chỉ số HNX-Index sẽ điều chỉnh tại khu vực kháng cự này nhưng nhiều khả năng sau đó sẽ tiếp tục tăng điểm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc giải ngân trong phiên điều chỉnh hoặc lựa chọn chiến lược an toàn hơn bằng cách mua vào phiên tăng với khối lượng tích cực sau phiên điều chỉnh.

**Khuyến nghị đã đóng**

Mã	Ngày mở khuyến nghị	Ngày đóng khuyến nghị	Khuyến nghị	Giá khuyến nghị	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Giá đóng khuyến nghị	Hiệu suất (%)
GMD	12/12/2012	21/12/2012	Mua	17.6	19.5	16.2	17.4	-1.14
OGC	17/12/2012	21/12/2012	Mua	9.3	10.4	8.8	9.6	3.23
LSS	26/12/2012	02/01/2013	Mua	14.3	16.5	13.7	15.8	10.49
NTL	26/12/2012	03/01/2013	Mua	15.7	19	14.8	16.5	5.10
KSD	15/01/2013	18/01/2013	Mua	2.2	2.8	2	2.5	13.64

Ghi chú:

Khuyến nghị được đưa ra thuần túy dựa trên phân tích kỹ thuật và chỉ mang tính chất tham khảo.

Khuyến nghị bán không hàm nghĩa bán khống mà chỉ là quan điểm của chúng tôi về xu thế ngắn hạn của cổ phiếu này.

Giá hiện tại chính là mức giá đóng cửa của phiên giao dịch ngày ra báo cáo.

Khách hàng chủ động cắt lỗ khi giá tăng/giảm đến mức cắt lỗ trong khuyến nghị

Tùy thuộc vào diễn biến thị trường, chúng tôi có thể đưa ra khuyến nghị dừng lỗ hoặc chốt lãi khác so với các mức giá được đưa ra.



LỌC CỔ PHIẾU

Hiện đang vào mùa KQKD Q4/2012. Tính đến 28/01, có 353 doanh nghiệp đã công bố BCTC Q4, với 83% doanh nghiệp báo lãi.

Thị trường hiện đang tăng điểm trở lại sau gần 2 tuần điều chỉnh, cũng như thông tin mới về giải pháp hỗ trợ thị trường BĐS được công bố trong phiên giải trình của bộ Xây dựng trước UBKTQH được công bố. Dòng tiền từ khối NĐTNN cũng là yếu tố hỗ trợ thị trường, đặc biệt tại nhóm cổ phiếu BlueChips.

Chúng tôi thống kê 10 cổ phiếu có EPS cao nhất, 10 cổ phiếu có tăng trưởng lợi nhuận năm 2012 so 2011 cao nhất, 10 cổ phiếu có tỷ lệ sở hữu của NĐTNN cao nhất để nhà đầu tư tiện tham khảo.

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ EPS CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4/2012								Ngành			
HGM	37	-7.46%	435	21,155	41,833	48.12%	60.02%	4.35	10.35	0.06	2.20	14
TCT	3	12.19%	2,618	16,795	52,747	33.22%	35.86%	5.06	7.27	0.33	1.61	1
DPR	0	-	5,469	16,245	47,932	29%	36%	3.29	4.46	0.28	1.12	173
QTC	12	28.09%	5,840	12,570	37,078	16.80%	36.49%	2.43	10.70	0.47	0.82	20
CAP	11	19.15%	4,305	12,005	27,429	20.44%	47.30%	3.07	10.35	0.63	1.34	10
TRC	119	-33.40%	2,592	11,613	44,750	23.13%	28.20%	3.72	4.46	0.75	0.97	107
VCF	152	44.10%	2,081	11,431	36,007	31%	36%	15.92	12.11	0.42	5.05	292
LHC	9	30.49%	2,420	11,426	40,856	14.48%	30.29%	2.79	10.70	0.58	0.78	4
WCS	5	28.62%	135	9,960	28,955	26.45%	37.23%	4.17	9.21	0.22	1.43	0
DXP	22	60.98%	10,700	9,957	28,336	32.53%	37.99%	3.65	9.21	0.71	1.28	2

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN NĂM 2012/2011 CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Hàng tồn kho
	Q4.2012								Ngành			
DHM	4	2380.53%	1,153,845	2,615	11,378	15.07%	24.23%	6.27	10.35	0.38	1.44	78
IVS	1	1925.31%	175,525	131	10,172	1.05%	1.30%	41.10	#N/A	1.06	0.53	0
SRC	11	1901.11%	280,841	2,799	15,521	7.58%	19.50%	5.29	3.92	0.79	0.95	302
HAS	0	834.97%	3,505	619	19,395	2.30%	3.24%	8.08	10.70	-0.01	0.26	8
SMT	2	592.49%	1,143	1,801	12,890	10.48%	15.01%	3.94	7.24	-0.03	0.55	12
VE2	1	590.99%	1	668	11,118	3.82%	6.22%	14.37	10.70	-0.36	0.86	7
VCV	-21	574.83%	20	-4,007	5,624	-18.55%	-52.53%	-0.85	9.21	0.28	0.60	16
S91	3	556.95%	11,380	2,412	15,785	4.82%	16.50%	2.82	10.70	0.57	0.43	59
CSM	68	546.62%	1,204,978	4,766	16,521	15.07%	32.02%	5.90	3.92	1.06	1.70	689
DTT	-3	424.49%	985	-419	13,492	-2.65%	-3.06%	-16.00	4.46	0.04	0.50	14

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH 10 CỔ PHIẾU CÓ TỶ LỆ SỞ HỮU NĐTNN CAO NHẤT

Mã CK	LN	2012/2011	KLGD TB	EPS	BV	ROA	ROE	P/E	P/E	Beta	PB	Room NĐTNN
	Q4.2012								Ngành			
BMP	0	-	35,439	9,867	33,936	26.84%	30.23%	5.22	10.70	0.77	1.52	49.00%
VSC	0	-	47,938	8,698	31,048	21.95%	30.55%	4.40	9.21	0.73	1.23	49.00%
DHG	135	19.52%	25,439	7,527	25,902	22%	32%	9.96	6.50	0.42	2.90	49.00%
VNM	6	-0.96%	302,108	6,254	25,191	30.60%	38.64%	16.63	12.11	0.92	4.13	49.00%
NTP	-3	-49.70%	11,715	5,711	24,538	15.76%	24.91%	6.93	10.70	0.78	1.61	49.00%
FPT	0	-	441,838	5,684	22,468	10.65%	26.31%	6.95	7.24	0.92	1.76	49.00%
DMC	0	-	2,908	5,674	32,290	12%	18%	4.99	6.50	0.57	0.88	49.00%
JVC	106	27.33%	553,598	5,201	16,764	16.96%	32.20%	4.21	6.50	0.77	1.31	49.00%
IMP	12	-0.68%	12,904	4,704	43,532	9.19%	10.91%	7.33	6.50	0.05	0.79	49.00%
EVE	0	-	2,760	3,742	25,443	12.06%	15.17%	6.36	4.40	0.40	0.94	49.00%

Ghi chú:

EPS, ROA và ROE tính theo dữ liệu bốn quý gần nhất

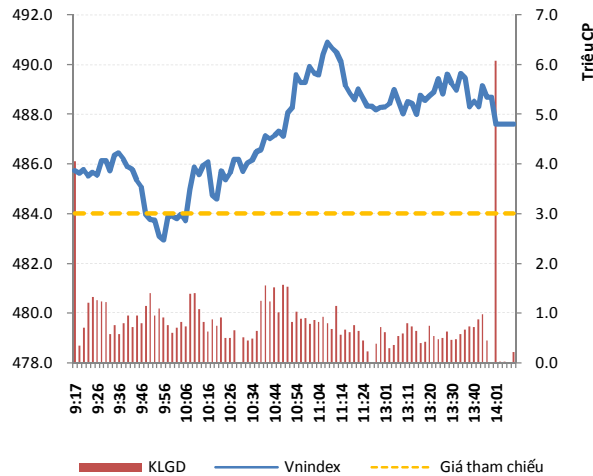
BV tính theo báo cáo tài chính quý gần nhất

Giá lấy theo giá đóng cửa ngày 29/01/2013.

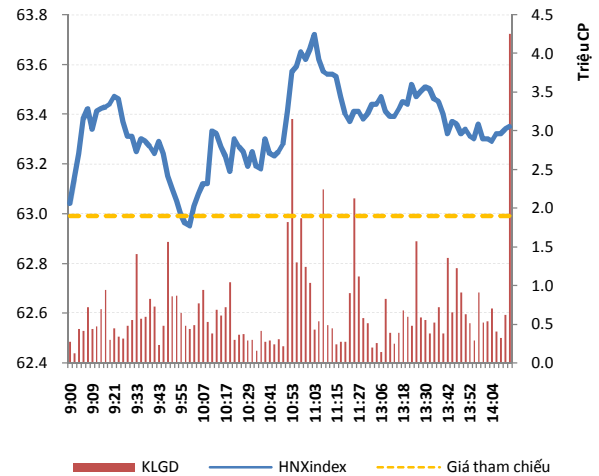


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

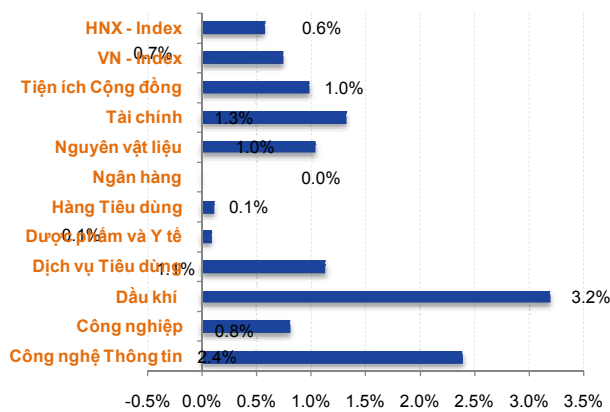
KLGD và VN-Index trong phiên



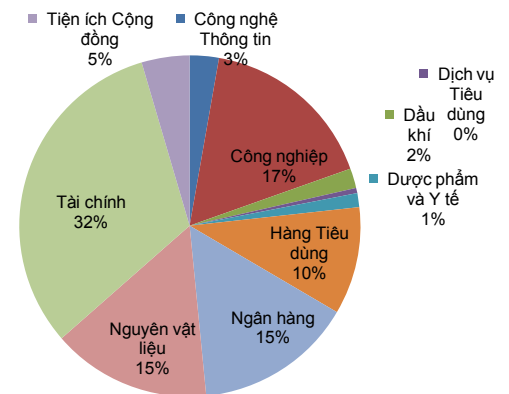
KLGD và HNX-Index trong phiên



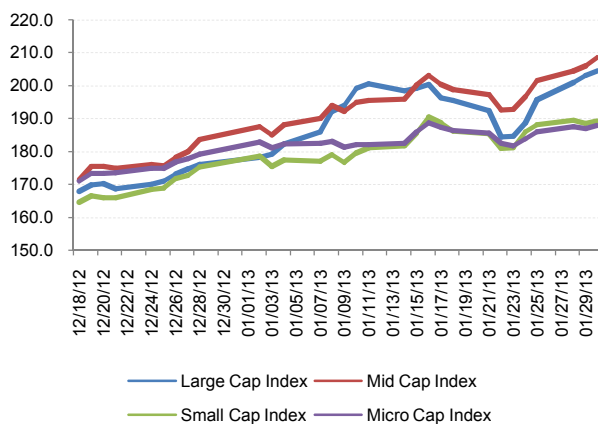
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



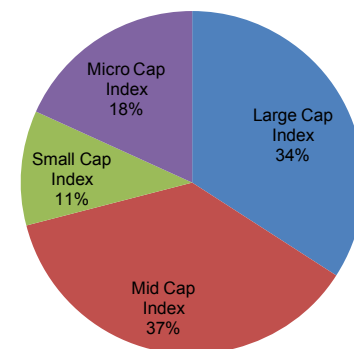
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ
Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ
Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	ITA	926,680	HSG	280,100
2	CTG	925,530	BMC	91,400
3	IJC	732,850	REE	35,190
4	EIB	672,010	SAM	32,000
5	OGC	591,220	HAP	20,000

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	VCG	681,000	SCR	104,700
2	PVX	512,500	PGS	33,300
3	PVS	378,000	KHL	31,000
4	SHB	226,200	SHS	20,000
5	MIC	207,145	PPE	10,000

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
ITA	8.0	8.5	↑ 6.25%	6,553,050
EIB	17.4	17.0	↓ -2.30%	4,427,890
LCG	8.1	8.6	↑ 6.17%	4,069,090
KBC	9.5	10.1	↑ 6.32%	3,878,700
IJC	10.6	11.3	↑ 6.60%	2,418,460

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
PVX	6.8	7.0	↑ 2.94%	13,872,314
SHB	7.3	7.4	↑ 1.37%	11,287,264
SCR	8.3	8.3	→ 0.00%	6,149,710
VND	10.3	10.2	↓ -0.97%	4,520,400
KLS	10.0	10.0	→ 0.00%	3,702,540

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VES	0.8	0.9	0.1	↑ 12.50%
KSS	7.2	7.7	0.5	↑ 6.94%
GMD	23.1	24.7	1.6	↑ 6.93%
LGC	17.4	18.6	1.2	↑ 6.90%
TDC	8.7	9.3	0.6	↑ 6.90%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
KMT	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
PMS	6.0	6.6	0.6	↑ 10.00%
VHL	12.0	13.2	1.2	↑ 10.00%
SGH	62.4	68.6	6.2	↑ 9.94%
BKC	8.1	8.9	0.8	↑ 9.88%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
VSG	1.1	1.0	-0.1	↓ -9.09%
IFS	11.8	11.0	-0.8	↓ -6.78%
EVE	23.8	22.2	-1.6	↓ -6.72%
PDR	19.8	18.5	-1.3	↓ -6.57%
STT	4.6	4.3	-0.3	↓ -6.52%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
ALT	14.4	13.0	-1.4	↓ -9.72%
CCM	10.4	9.4	-1.0	↓ -9.62%
DPC	12.5	11.3	-1.2	↓ -9.60%
AMC	13.6	12.3	-1.3	↓ -9.56%
SLS	24.3	22.0	-2.3	↓ -9.47%

(*) Giá điều chỉnh



CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	6,553,050	1.1%	145	58.6	0.6
EIB	4,427,890	18.3%	2,304	7.4	1.4
LCG	4,069,090	-0.1%	(21)	-	0.4
KBC	3,878,700	-4.1%	(614)	-	0.7
IJC	2,418,460	11.4%	1,280	8.8	1.0

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
PVX	13,872,314	-9.0%	(1,001)	-	0.8
SHB	11,287,264	-16.0%	(2,047)	-	0.8
SCR	6,149,710	1.5%	245	33.9	0.5
VND	4,520,400	7.4%	789	12.9	0.9
KLS	3,702,540	0.9%	107	93.9	0.8

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
VES	↑ 12.5%	-17.7%	(1,718)	(0.5)	0.1
KSS	↑ 6.9%	-4.1%	(622)	(12.4)	0.5
GMD	↑ 6.9%	1.3%	499	49.5	0.6
LGC	↑ 6.9%	0.6%	103	179.8	1.0
TDC	↑ 6.9%	10.2%	1,190	7.8	0.9

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
KMT	↑ 10.0%	2.8%	333	19.8	0.6
PMS	↑ 10.0%	5.2%	823	8.0	0.4
VHL	↑ 10.0%	0.0%	9	1,435.4	0.5
SGH	↑ 9.9%	23.5%	5,856	11.7	2.6
BKC	↑ 9.9%	-13.8%	(2,162)	(4.1)	0.7

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
ITA	926,680	1.1%	145	58.6	0.6
CTG	925,530	21.6%	2,504	9.3	1.9
IJC	732,850	11.4%	1,280	8.8	1.0
EIB	672,010	18.3%	2,304	7.4	1.4
OGC	591,220	3.8%	424	31.6	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
VCG	681,000	4.9%	541	22.0	1.1
PVX	512,500	-9.0%	(1,001)	-	0.8
PVS	378,000	25.2%	4,174	3.6	0.8
SHB	226,200	-16.0%	(2,047)	-	0.8
MIC	207,145	-8.0%	(1,038)	-	1.1

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
GAS	87,170	26.0%	4,692	9.8	3.3
VNM	85,853	38.6%	6,254	16.5	4.1
MSN	83,848	13.4%	3,619	33.7	5.5
VCB	79,487	10.8%	1,832	18.7	1.9
VIC	62,184	18.3%	1,791	37.4	4.8

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
ACB	16,597	18.5%	2,603	6.8	1.3
SQC	8,800	12.0%	1,388	57.6	6.6
PVS	6,790	25.2%	4,174	3.6	0.8
SHB	6,557	-16.0%	(2,047)	-	0.8
VCG	5,256	4.9%	541	22.0	1.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
KBC	2.63	-4.1%	(614)	-	0.7
BVH	2.33	12.3%	2,122	25.9	3.2
ITA	2.20	1.1%	145	58.6	0.6
SBS	2.04	-145.7%	(3,802)	-	(1.2)
OGC	1.91	3.8%	424	31.6	1.2

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VIG	2.64	-25.5%	(1,860)	-	0.5
S96	2.33	-5.9%	(455)	-	0.6
KHB	2.29	5.3%	799	4.6	0.2
PVV	2.29	-27.6%	(2,831)	-	0.4
PVL	2.27	-4.9%	(522)	-	0.4



Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1&3, Tòa nhà Trung tâm
Hội nghị Công đoàn, Số 01 Yết
Kiêu, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: (84-4)-3818 1888
Fax: (84-4)-3818 1688

Chi nhánh Hồ Chí Minh

141-143 Hàm Nghi, P. Nguyễn
Thái Bình, Quận I
Tel: (84-8)-3915 1368
Fax: (84-8)-3915 1369

Chi nhánh Đà Nẵng

97 Lê Lợi, Hải Châu, Đà
Nẵng
Tel: (84-511)-352 5777
Fax: (84-511)-352 5779

Website: www.shs.com.vn

Người thực hiện:

Lê Thanh Hòa

Hoa.lt@shs.com.vn

Đoàn Thị Ánh Nguyệt

nguyet.dta@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi [StoxPlus Corporation](#)